

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2022
V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH ANGIANG.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;
2. Ông Nguyễn Hồng Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 260/2021/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/4/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1996; địa chỉ cư trú: ấp A, xã H, thị xã T, tỉnh An Giang; có mặt

- Bị đơn: Anh Lê Minh P, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: ấp A, xã H, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 20/8/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày: Về hôn nhân giữa tôi với anh P do 02 người quen biết nhau trước, được cha, mẹ hai bên đồng ý nên chúng tôi tiến tới hôn nhân vào năm 2015. Chúng tôi có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện D, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận kết hôn số: 03/2016, quyền 01/2016, ngày 05/02/2016. Quá trình sống chung, lúc đầu có hạnh phúc đến tháng 4 năm 2021 thì hai người không còn sống chung đến

nay. Nguyên nhân do tính tình không hợp, sống không hiểu nhau, do anh P có những lời lẽ xúc phạm tôi. Tôi nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, sống không có hạnh phúc. Tôi xin được ly hôn với anh P.

- Về con chung: Tôi với anh P có với nhau một đứa con chung tên Lê Minh K, sinh ngày 15/3/2017 hiện đứa con đang sống với tôi. Tôi yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N khai chị với anh P không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Huỳnh N khai chị với anh P không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Minh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh P vắng mặt không lý do.

Biên bản xác minh ngày 11/02/2021 của ông Nguyễn Hồng Việt S là trưởng ấp A, xã H cung cấp về tình trạng hôn nhân của chị N với anh Phúc thể hiện: Anh Lê Minh P quê quán xã T, huyện D, tỉnh Sóc Trăng cưới chị Lê Thị Huỳnh N vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau vợ chồng chị N, anh P có sống tại địa phương khoảng 03 năm. Đầu năm 2021 vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P ghen tuông, nghi ngờ chị N có quan hệ với người đàn ông khác và thường xuyên cự cãi nhau, đến cuối tháng 4/2021 thì anh P bỏ địa phương đi cho đến nay. Thực tế chị N có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác không thì địa phương không nắm.

Biên bản xác minh ngày 11/02/2022 Công an xã H cung cấp: Anh Lê Minh P, sinh năm 1994 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 2, ấp A, xã H, thị xã T, tỉnh An Giang, theo hồ sơ hộ khẩu số 4454, ngày 14/5/2021 do anh Lê Minh P làm chủ hộ. Hiện anh P vẫn còn hộ khẩu tại địa chỉ trên.

Toà án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không thực hiện được do anh P vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh ngày 11/02/2022 của ông Nguyễn Hồng Việt S là trưởng ấp A, xã H, biên bản không lấy được lời khai anh Lê Minh P ngày 11/02/2022, biên bản xác minh ngày 11/02/2022 của Công an xã H, thị xã T, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, chị N giữ nguyên yêu cầu, anh P vắng mặt,

Chị N xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác; anh P không cung cấp chứng cứ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Huỳnh N với anh Mê Minh P có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, năm 2021 giữa chị N với anh P có phát sinh mâu thuẫn. Chị N với anh P đã không còn sống chung thời gian dài. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị N với anh P có 01 con chung tên Lê Minh K, sinh ngày 15/3/2017, hiện con sống với chị N. Đề nghị giao con cho chị N nuôi dưỡng, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N khởi kiện “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” với anh Lê Minh P, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: ấp A, xã H, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 11/02/2022 Công an xã H cung cấp: Anh Lê Minh P, sinh năm 1994 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 2, ấp A, xã H, thị xã T, tỉnh An Giang, theo hồ sơ hộ khẩu số 4454, ngày 14/5/2021 do anh Lê Minh P làm chủ hộ. Hiện anh P vẫn còn hộ khẩu tại địa chỉ trên.

Sự vắng mặt của đương sự: Anh Lê Minh P vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N với anh Lê Minh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn UBND xã T, huyện D, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận kết hôn số: 03/2016, quyền 01/2016, ngày 05/02/2016. Xét, hôn nhân giữa chị N và anh P là hợp pháp.

Chị N khai, quá trình chung sống chị N và anh P phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, sống không hiểu nhau, do anh P có những lời lẽ xúc phạm chị. Chị nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm

vợ chồng không còn, sống không có hạnh phúc. Chị N với anh P đã không còn sống chung hơn 01 năm nay. Tình cảm của chị N đối với anh P không còn, yêu cầu ly hôn với anh P.

Biên bản xác minh ngày 11/02/2021 của ông Nguyễn Hồng Việt S là trưởng ấp A, xã H cung cấp về tình trạng hôn nhân của chị N với anh P thể hiện: Anh Lê Minh P quê quán xã T, huyện D, tỉnh Sóc Trăng cưới chị Lê Thị Huỳnh N vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau vợ chồng chị N, anh P có sống tại địa phương khoảng 03 năm. Đầu năm 2021 vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P ghen tuông, nghi ngờ chị N có quan hệ với người đàn ông khác và thường xuyên cự cãi nhau, đến cuối tháng 4/2021 thì anh P bỏ địa phương đi cho đến nay. Thực tế chị N có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác không thì địa phương không nắm.

Theo khoản 2 Điều 17, Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp,... và lý do chính đáng khác”;

“Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”.

Chị N với anh P có thời gian dài không sống chung, hai người không tự hàn gắn lại được, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Giữa chị N với anh P đã sống xa cách nhau từ tháng 4/2021 đến nay.

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét, chấp nhận yêu cầu của chị N ly hôn đối với anh P.

[3] Về con chung: Chị N với anh P, trong thời kỳ hôn nhân hai người có 01 con chung tên Lê Minh K, sinh ngày 15/3/2017, hiện con đang sống với chị N, khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Xét, giao cháu Lê Minh K, sinh ngày 15/3/2017, cho chị N nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh P trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N khai giữa chị với anh P không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đặt ra giải quyết. Nếu sau này anh P cho rằng trong thời kỳ hôn nhân giữa anh P với chị N có tài sản, nợ chung thì anh P vẫn có quyền khởi kiện ra tòa yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị N được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0005931 ngày 02/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Anh Lê Văn P không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huỳnh N.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N được ly hôn với anh Lê Minh P;

Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2016, quyển 01/2016, ngày 05/02/2016 do UBND xã T, huyện D, tỉnh Sóc Trăng cấp cho chị Nguyễn Thị Huỳnh N với anh Lê Minh P không còn giá trị pháp luật.

Về con chung: Giao cháu Lê Minh K, sinh ngày 15/3/2017 cho chị Nguyễn Thị Huỳnh N nuôi dưỡng. Anh Lê Minh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Huỳnh N cùng thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Lê Minh P trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Nếu sau này anh Lê Minh P cho rằng trong thời kỳ hôn nhân giữa anh P với chị N có tài sản, nợ chung thì anh P vẫn có quyền khởi kiện chị N ra tòa yêu cầu giải quyết trong vụ án khác

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị N được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0005931 ngày 02/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Anh Lê Minh P không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án chị Nguyễn Thị Huỳnh N có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời gian kháng cáo của anh Lê Minh P là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TX (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TX (1);
- UBND xã T, huyện D, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Minh